



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810210901	Nông Hồng	An	11/05/2002	KD8B	01					
2	000002	0810210182	Lê Tuyết	Anh	06/12/2002	KD8B	01					
3	000003	0810211118	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	20/08/2002	KD8B	01					
4	000004	0810211600	Vương Minh	Anh	24/09/2002	KD8B	01					
5	000005	0810211010	Đoàn Thị Quỳnh	Chi	29/12/2002	KD8B	01					
6	000006	0810210845	Trần Thị	Chu	25/11/2002	KD8B	01					
7	000007	0810211771	Nguyễn Thị Kim	Cúc	22/09/2002	KD8B	01					
8	000008	0810210815	Nguyễn Thị Thùy	Dung	17/02/2002	KD8B	01					
9	000009	0810210992	Lê Thu	Hà	21/08/2002	KD8B	01					
10	000010	0810211037	Nguyễn Thị Bích	Hằng	22/07/2002	KD8B	01					
11	000011	0810210813	Vũ Thị Hồng	Hạnh	09/05/2002	KD8B	01					
12	000012	0810210315	Lê Trung	Hiếu	25/12/2002	KD8B	01					
13	000013	0810210193	Nguyễn Phương	Hoa	04/03/2002	KD8B	01					HP,ĐK
14	000014	0810210950	Phạm Thị	Hòa	23/04/2002	KD8B	01					
15	000015	0810211014	Vũ Thị Minh	Hòa	26/04/2002	KD8B	01					
16	000016	0810211002	Nguyễn Thị Thu	Hồng	27/04/2002	KD8B	01					
17	000017	0810211775	Hoàng Thu	Hương	17/09/2000	KD8B	01					HP,ĐK
18	000018	0810211791	Vũ Thị Thúy	Hường	15/03/2002	KD8B	01					
19	000019	0810210074	Phạm Thu	Huyền	03/06/2002	KD8B	01					
20	000020	0810210083	Nguyễn Thị	Lan	04/01/2002	KD8B	01					
21	000021	0810211019	Nguyễn Thị	Lương	23/02/2002	KD8B	01					
22	000022	0810210097	Nguyễn Văn	Lương	19/09/2002	KD8B	01					
23	000023	0810211030	Phạm Thị Quỳnh	Mai	31/05/2002	KD8B	01					
24	000024	0810211180	Đào Thị Trà	My	18/09/2002	KD8B	01					
25	000025	0810210209	Lê Quỳnh	Nga	27/10/2002	KD8B	01					
26	000026	0810210111	Lương Thu	Nga	06/09/2002	KD8B	01					
27	000027	0810210112	Nguyễn Kim	Ngân	25/09/2002	KD8B	01					
28	000028	0810211038	Vũ Trang	Ngân	20/04/2002	KD8B	01					
29	000029	0810211009	Trương Thị Hồng	Ngọc	07/03/2002	KD8B	01					
30	000030	0810210118	Vũ Thị Thanh	Nhàn	25/05/2002	KD8B	01					
31	000031	0810210121	Phạm Thị Yến	Nhi	28/11/1998	KD8B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000032	0810210211	Bùi Thị Hồng	Nhung	29/11/1999	KD8B	01					
2	000033	0810210951	Chu Thị Thu	Phương	01/12/2002	KD8B	01					
3	000034	0810210885	Lê Thị	Phương	03/07/2001	KD8B	01					
4	000035	0810210906	Nguyễn Vũ Hoài	Phương	01/08/2002	KD8B	01					
5	000036	0810210942	Vũ Thị Ánh	Quỳnh	29/01/2002	KD8B	01					
6	000037	0810211001	Ngô Thị Thanh	Tâm	19/05/2002	KD8B	01					
7	000038	0810210150	Nguyễn Thị	Thu	19/10/2002	KD8B	01					
8	000039	0810211732	Chu Hoài	Thương	05/02/2002	KD8B	01					
9	000040	0810211227	Trần Thị	Thúy	22/04/2002	KD8B	01					
10	000041	0810210220	Nguyễn Linh	Thùy	29/06/2002	KD8B	01					
11	000042	0810211013	Nguyễn Thu	Trang	16/03/2002	KD8B	01					
12	000043	0810210169	Lại Thị	Tuyết	05/04/2002	KD8B	01					
13	000044	0810211031	Trần Thu	Uyên	20/11/2002	KD8B	01					
14	000045	0810210826	Nguyễn Thị Thu	Yên	21/09/2002	KD8B	01					
15	000046	0710210099	Ngô Mỹ	Ngân	22/12/2001	KD7E	02					
16	000047	0810210794	Bùi Thị Minh	Anh	07/07/2002	KD8C	02					
17	000048	0810211113	Lê Thị Nguyệt	Anh	20/06/2002	KD8C	02					
18	000049	0810211748	Nguyễn Phương	Anh	03/02/2002	KD8C	02					
19	000050	0810210187	Đỗ Ngọc	Ánh	26/01/2002	KD8C	02					
20	000051	0810211752	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	11/10/2002	KD8C	02					
21	000052	0810211125	Phạm Thị Ngọc	Ánh	03/08/2002	KD8C	02					
22	000053	0810211735	Hoàng Thị	Băng	11/03/2002	KD8C	02					
23	000054	0810210032	Ngô Thùy	Chi	12/06/2002	KD8C	02					
24	000055	0810210039	Nguyễn Thành	Công	14/08/2002	KD8C	02					
25	000056	0810211135	Nguyễn Thùy	Dương	04/04/2002	KD8C	02					
26	000057	0810210999	Nguyễn Thị	Duyên	28/10/2002	KD8C	02					
27	000058	0810210047	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/07/2002	KD8C	02					
28	000059	0810211027	Lương Thị Hương	Giang	16/12/2002	KD8C	02					
29	000060	0810211007	Lê Thu	Hà	03/09/2002	KD8C	02					
30	000061	0810210930	Nguyễn Đỗ Hải	Hà	01/05/2002	KD8C	02					
31	000062	0810211143	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	23/06/2002	KD8C	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000063	0810211015	Đào Thị	Hậu	18/06/2002	KD8C	02					
2	000064	0810210843	Nông Hoàng Hải	Hậu	03/11/2002	KD8C	02					
3	000065	0810210195	Lương Thị	Hương	12/06/2002	KD8C	02					
4	000066	0810210069	Phạm Thị Thu	Hương	24/09/2000	KD8C	02					
5	000067	0810211164	Tạ Khánh	Huyền	24/12/2002	KD8C	02					
6	000068	0810210080	Vũ Đức	Khánh	07/08/2002	KD8C	02					
7	000069	0810210821	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	30/03/2002	KD8C	02					
8	000070	0810211017	Phạm Thị Khánh	Linh	21/11/2002	KD8C	02					
9	000071	0810210101	Nguyễn Thị Hương	Ly	16/08/2002	KD8C	02					
10	000072	0810210811	Trần Thị Ngọc	Mai	22/01/2001	KD8C	02					
11	000073	0810210108	Hoàng Trà	My	17/06/2002	KD8C	02					
12	000074	0810210842	Nguyễn Hoài	Nam	24/08/2002	KD8C	02					
13	000075	0810210632	Nguyễn Thiên	Nga	19/07/2002	KD8C	02					
14	000076	0810211047	Nguyễn Thị Hà	Nguyên	08/09/2002	KD8C	02					
15	000077	0810210598	Phạm Thị Mỹ	Nhật	06/04/2002	KD8C	02					
16	000078	0810210809	Vũ Thị Lan	Phương	21/10/2002	KD8C	02					
17	000079	0810210129	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	24/01/2001	KD8C	02					
18	000080	0810210812	Tổng Việt	Quốc	07/06/2002	KD8C	02					
19	000081	0810211048	Lê Thị	Sim	18/07/2002	KD8C	02					
20	000082	0810210829	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	03/09/2002	KD8C	02					
21	000083	0810211006	Nguyễn Thị	Thu	28/02/2002	KD8C	02					
22	000084	0810210808	Trần Thị Minh	Thúy	10/02/2001	KD8C	02					
23	000085	0810211016	Bùi Thị Khánh	Thùy	09/10/2001	KD8C	02					
24	000086	0810211744	Hoàng Phương	Thùy	12/06/2002	KD8C	02					
25	000087	0810210157	Nguyễn Đức	Toàn	22/07/2002	KD8C	02					
26	000088	0810210221	Nguyễn Thị	Trà	31/05/2002	KD8C	02					
27	000089	0810210995	Trần Thị	Trang	17/09/2002	KD8C	02					
28	000090	0810210405	Phạm Minh	Tuấn	01/03/2002	KD8C	02					
29	000091	0810210171	Nguyễn Ánh	Tuyết	14/11/2001	KD8C	02					
30	000092	0810211246	Nguyễn Thị Hồng	Vân	21/01/2002	KD8C	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000093	0810210914	Cao Thị Hải	Yên	31/12/2002	KD8C	02					
2	000094	0810210180	Nguyễn Thị Hải	Yên	09/11/2002	KD8C	02					HP
3	000095	0610212021	Hoàng Trung	Dũng	18/07/1998	KD7E	03					
4	000096	0810211106	Đào Thu	An	01/12/2002	KD8D	03					
5	000097	0810210981	Đặng Phương	Anh	13/05/2002	KD8D	03					
6	000098	0810210016	Lê Thị Ngọc	Anh	01/09/2002	KD8D	03					
7	000099	0810210020	Phạm Văn	Anh	29/01/2002	KD8D	03					
8	000100	0810211121	Lại Thị Ngọc	Ánh	21/08/2002	KD8D	03					
9	000101	0810210834	Trương Minh	Ánh	26/05/2002	KD8D	03					
10	000102	0810211023	Nguyễn Phong	Châu	05/12/2002	KD8D	03					
11	000103	0810210034	Nguyễn Huệ	Chi	04/08/2002	KD8D	03					
12	000104	0810211352	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	23/05/2002	KD8D	03					
13	000105	0810210797	Nguyễn Thị	Duyên	31/10/2002	KD8D	03					
14	000106	0810211138	Nguyễn Thu	Giang	06/01/2002	KD8D	03					
15	000107	0810210841	Phạm Thị Minh	Hằng	08/06/2001	KD8D	03					
16	000108	0810211012	Đoàn Thu	Hiền	16/09/2002	KD8D	03					
17	000109	0810210062	Dương Đức	Hoàng	03/05/2002	KD8D	03					
18	000110	0810210196	Ngô Thị Lan	Hương	17/10/2002	KD8D	03					
19	000111	0810211165	Trần Thị Khánh	Huyền	21/10/2002	KD8D	03					
20	000112	0810210904	Đỗ Thị Bích	Liên	27/02/2002	KD8D	03					
21	000113	0810210202	Nguyễn Thị Thùy	Linh	03/03/2001	KD8D	03					
22	000114	0810211707	Triệu Thị Phương	Linh	31/08/2002	KD8D	03					
23	000115	0810210096	Vương Thị Diệu	Linh	30/08/2002	KD8D	03					
24	000116	0810210098	Đào Cẩm	Ly	20/08/2002	KD8D	03					
25	000117	0810210099	Hoàng Thị Bảo	Ly	05/08/2002	KD8D	03					
26	000118	0810210206	Trần Thị	Mai	24/04/2002	KD8D	03					
27	000119	0810211044	Trịnh Thị	Mai	14/06/2002	KD8D	03					
28	000120	0810211301	Bùi Thị Trà	My	25/10/2002	KD8D	03					
29	000121	0810210110	Đinh Thị Thúy	Nga	31/12/2002	KD8D	03					
30	000122	0810210116	Bùi Yên	Ngọc	15/10/2001	KD8D	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000123	0810211191	Nguyễn Thị Thủy	Nguyễn	24/08/2002	KD8D	03					
2	000124	0810211193	Nguyễn Minh	Nhi	16/01/2002	KD8D	03					
3	000125	0810210125	Quách Đắc	Phúc	13/11/2002	KD8D	03					
4	000126	0810210126	Đỗ Hồng	Phương	17/09/2002	KD8D	03					
5	000127	0810211204	Nguyễn Trần Thiên	Sơn	26/07/2002	KD8D	03					
6	000128	0810210943	Hoàng Thị	Tâm	22/10/2002	KD8D	03					
7	000129	0810211209	Lê Thị	Thanh	06/07/2002	KD8D	03					
8	000130	0810210216	Trần Nguyễn Thu	Thảo	27/07/2002	KD8D	03					
9	000131	0810210486	Ngô Đức	Thiện	24/06/2002	KD8D	03					
10	000132	0810210148	Lê Thị	Thu	10/03/2002	KD8D	03					
11	000133	0810210807	Trần Thị	Thu	20/02/2002	KD8D	03					
12	000134	0810210806	Nguyễn Thị	Thuy	27/03/2002	KD8D	03					
13	000135	0810210153	Quách Thị	Thuy	21/09/2002	KD8D	03					
14	000136	0810211718	Hoàng Thu	Trang	27/05/2002	KD8D	03					
15	000137	0810210810	Trần Thị Ánh	Tuyết	07/04/2002	KD8D	03					
16	000138	0810210177	Đặng Thế	Vũ	27/07/2002	KD8D	03					
17	000139	0810210795	Đào Thị Lan	Anh	15/04/2002	KD8E	04					
18	000140	0810210902	Nguyễn Lê Vân	Anh	21/09/2002	KD8E	04					HP
19	000141	0810210839	Nguyễn Thị Vân	Anh	11/09/2002	KD8E	04					
20	000142	0810210836	Nguyễn Thị Vân	Anh	25/08/2002	KD8E	04					
21	000143	0810210025	Lưu Thị Ngọc	Ánh	06/01/2002	KD8E	04					
22	000144	0810211128	Bùi Mai	Chi	26/01/2002	KD8E	04					
23	000145	0810210828	Trịnh Thị Kim	Chi	19/10/2002	KD8E	04					
24	000146	0810211004	Lưu Thị Ngọc	Diệp	18/10/2002	KD8E	04					
25	000147	0810210670	Trịnh Trọng	Đức	15/12/2002	KD8E	04					
26	000148	0810211039	Ly Suy	Gơ	16/06/2002	KD8E	04					
27	000149	0810211142	Trương Thu	Hà	26/07/2002	KD8E	04					
28	000150	0810211024	Nguyễn Thị Thảo	Hiền	22/08/2002	KD8E	04					
29	000151	0810210064	Dương Thị Minh	Huệ	08/12/2002	KD8E	04					
30	000152	0810211158	Đào Ngọc	Huyền	16/08/2002	KD8E	04					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000153	0810210081	Nguyễn Mạnh	Kiểm	27/11/2001	KD8E	04					HP
2	000154	0810211166	Lê Cẩm	Lan	24/11/2002	KD8E	04					
3	000155	0810210840	Cao Thị	Linh	26/02/2002	KD8E	04					
4	000156	0810211034	Nguyễn Thị Mai	Linh	19/01/2002	KD8E	04					
5	000157	0810210095	Vũ Thị Khánh	Linh	16/09/2002	KD8E	04					
6	000158	0810210802	Nguyễn Thị Hương	Ly	17/09/2002	KD8E	04					
7	000159	0810211011	Vũ Thị Quỳnh	Mai	13/10/2002	KD8E	04					
8	000160	0810211755	Lê	Na	24/04/2001	KD8E	04					
9	000161	0810211187	Đỗ Kim	Ngân	04/02/2002	KD8E	04					
10	000162	0810210997	Nguyễn Minh	Ngọc	16/01/2001	KD8E	04					
11	000163	0810210117	Vũ Thảo	Nguyên	09/12/2002	KD8E	04					
12	000164	0810211764	Lê Thị Yên	Nhi	30/08/2001	KD8E	04					
13	000165	0810210120	Phạm Thị Phương	Nhi	01/04/2002	KD8E	04					
14	000166	0810211762	Đỗ Thị	Nhung	02/06/2001	KD8E	04					
15	000167	0810210825	Đỗ Thu	Phương	09/02/2002	KD8E	04					
16	000168	0810211200	Nguyễn Hà	Phương	21/08/2002	KD8E	04					
17	000169	0810210837	Chu Hương	Thảo	31/05/2002	KD8E	04					
18	000170	0810211785	Nguyễn Phương	Thảo	07/11/2002	KD8E	04					HP,ĐK
19	000171	0810210146	Hoàng Thị	Thêu	03/03/2002	KD8E	04					
20	000172	0810210804	Đỗ Thị Hoài	Thư	01/11/2002	KD8E	04					
21	000173	0810210608	Lê Thị Thu	Thủy	09/04/2002	KD8E	04					
22	000174	0810210156	Hoàng Thu	Thủy	10/07/2002	KD8E	04					
23	000175	0810210165	Trần Việt	Trình	29/11/2002	KD8E	04					
24	000176	0810210224	Phạm Thị Minh	Xuân	05/01/2002	KD8E	04					
25	000177	0810210225	Đỗ Hải	Yên	09/06/2002	KD8E	04					
26	000178	0810211789	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	18/07/2002	KD8D	05					
27	000179	0810211790	Nguyễn Văn	Minh	12/09/2002	KD8D	05					
28	000180	0810211788	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/04/2002	KD8D	05					
29	000181	0810211045	Đào Thị Lan	Anh	28/12/2002	KD8G	05					
30	000182	0810211005	Lê Thị Phương	Anh	09/12/2002	KD8G	05					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000183	0810211115	Nguyễn Quỳnh	Anh	04/12/2002	KD8G	05					
2	000184	0810211117	Nguyễn Thị Huyền	Anh	13/06/2002	KD8G	05					
3	000185	0810210184	Phạm Thị Minh	Anh	03/02/2002	KD8G	05					
4	000186	0810210469	Tô Tuấn	Anh	02/06/2001	KD8G	05					
5	000187	0810210021	Trịnh Quỳnh	Anh	06/06/2002	KD8G	05					
6	000188	0810210026	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/04/2002	KD8G	05					
7	000189	0810210569	Đặng Bảo	Châu	12/04/2002	KD8G	05					
8	000190	0810211129	Đinh Linh	Chi	24/09/2002	KD8G	05					
9	000191	0810211020	Trịnh Thị Lệ	Chi	31/08/2002	KD8G	05					
10	000192	0810211740	Đỗ Thị Thùy	Dung	29/09/2002	KD8G	05					
11	000193	0810211703	Phạm Hồng	Duyên	01/11/2002	KD8G	05					
12	000194	0810210996	Lê Hoàng Hương	Giang	28/11/2002	KD8G	05					
13	000195	0810210053	Vũ Ngọc	Hà	28/09/2002	KD8G	05					
14	000196	0810210846	Trần Thị Thu	Hiền	22/10/2002	KD8G	05					
15	000197	0810211145	Nguyễn Trung	Hiếu	22/12/2001	KD8G	05					
16	000198	0810211717	Bùi Duy	Hưng	19/10/2002	KD8G	05					
17	000199	0810210065	Đỗ Duy	Hưng	02/10/2002	KD8G	05					
18	000200	0810211160	Nguyễn Ngọc	Huyền	31/10/2002	KD8G	05					
19	000201	0810210935	Lê Thị	Lan	15/09/2002	KD8G	05					
20	000202	0810210822	Đào Thị Hoài	Linh	06/06/2002	KD8G	05					
21	000203	0810210198	Hoàng Thị Mỹ	Linh	19/12/2002	KD8G	05					HP,ĐK
22	000204	0810211046	Nguyễn Thị Hoài	Linh	10/12/2002	KD8G	05					
23	000205	0810210994	Nguyễn Thị Thùy	Linh	17/07/2002	KD8G	05					
24	000206	0810210092	Phạm Quang	Linh	29/09/2000	KD8G	05					
25	000207	0810210472	Nguyễn Bảo	Luân	24/08/2002	KD8G	05					
26	000208	0810210102	Nguyễn Thị	Lý	12/04/2002	KD8G	05					
27	000209	0810211178	Nông Thị Quỳnh	Mây	15/10/2002	KD8G	05					
28	000210	0810210803	Đào Thị Thúy	Nga	14/02/2002	KD8G	05					
29	000211	0810210113	Tạ Thu	Ngân	13/10/2002	KD8G	05					
30	000212	0810211008	Dương Minh	Nghĩa	13/08/2002	KD8G	05					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000213	0810210805	Nguyễn Thị	Nguyệt	07/04/2002	KD8G	05					
2	000214	0810211725	Lê Thị Hồng	Nhung	19/01/2002	KD8G	05					
3	000215	0810211728	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	25/06/2002	KD8G	05					
4	000216	0810210849	Nguyễn Hồng	Son	28/10/2002	KD8G	05					
5	000217	0810211026	Đỗ Thị Hoài	Thu	12/12/2002	KD8G	05					HP
6	000218	0810210991	Đỗ Thị Kim	Thư	07/09/2002	KD8G	05					
7	000219	0810210154	Đinh Thị	Thúy	25/08/2002	KD8G	05					
8	000220	0810211722	Nguyễn Thu	Thủy	07/09/2002	KD8G	05					
9	000221	0810211688	Nguyễn Thị Linh	Tú	10/03/2002	KD8G	05					
10	000222	0810210173	Phạm Thu	Uyên	01/03/2002	KD8G	05					
11	000223	0810211040	Nguyễn Thị Như	Ý	04/04/2002	KD8G	05					
12	000224	0810210819	Nguyễn Thị Như	Ý	14/05/2002	KD8G	05					
13	000225	0510210264	Đỗ Thị Phương	Anh	20-02-1999	KD5H	06					HP
14	000226	0810210903	Đinh Thị Diệu	Hằng	13/11/2002	KD8E	06					
15	000227	0810210213	Nguyễn Thu	Phương	30/01/2002	KD8E	06					
16	000228	0810210013	Đỗ Thảo	Anh	21/09/2002	KD8H	06					
17	000229	0810210015	Đỗ Văn	Anh	11/12/2002	KD8H	06					
18	000230	0810211032	Nguyễn Thị Minh	Anh	27/05/2002	KD8H	06					
19	000231	0810210565	Vũ Thị Lan	Anh	08/07/2002	KD8H	06					
20	000232	0810211123	Nguyễn Thị	Ánh	24/11/2002	KD8H	06					
21	000233	0810211706	Đinh Thị Lệ	Chi	01/08/2002	KD8H	06					
22	000234	0810211693	Nguyễn Thị Nguyệt	Chinh	02/12/2002	KD8H	06					
23	000235	0810210045	Nguyễn Thùy	Dương	16/08/2002	KD8H	06					
24	000236	0810211765	Phan Thị Thu	Hà	05/09/2001	KD8H	06					
25	000237	0810210931	Đỗ Thị Thu	Hằng	09/09/2002	KD8H	06					
26	000238	0810211709	Trần Thị	Hiên	14/12/2002	KD8H	06					
27	000239	0810211146	Lê Thị	Hòa	19/03/2002	KD8H	06					
28	000240	0810210060	Vũ Thu	Hoài	24/09/2002	KD8H	06					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Phân tích kế toán và báo cáo tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000241	0810211710	Trần Thị Thu	Hồng	28/10/2002	KD8H	06					
2	000242	0810211149	Đỗ Trang	Hùng	05/01/2002	KD8H	06					
3	000243	0810210194	Bùi Thị Thu	Hương	05/03/2002	KD8H	06					
4	000244	0810211708	Nguyễn Thanh	Huyền	10/09/2002	KD8H	06					
5	000245	0810210824	Phạm Ngọc	Huyền	07/05/2002	KD8H	06					
6	000246	0810210936	Nguyễn Thị	Lan	02/04/2002	KD8H	06					
7	000247	0810211714	Hà Khánh	Linh	16/09/2002	KD8H	06					
8	000248	0810211723	Nguyễn Thị Thùy	Linh	28/09/2002	KD8H	06					
9	000249	0810211003	Hoàng Thị Thanh	Loan	31/05/2002	KD8H	06					
10	000250	0810210204	Lê Thị Cẩm	Ly	08/06/2002	KD8H	06					
11	000251	0810210105	Nguyễn Thị Hằng	Mơ	06/10/2002	KD8H	06					
12	000252	0810210908	Trần Thị Kim	Ngân	21/03/2002	KD8H	06					
13	000253	0810211715	Trần Thị Minh	Ngọc	19/04/2002	KD8H	06					
14	000254	0810211734	Đỗ Thanh	Nhài	27/04/2002	KD8H	06					
15	000255	0810211194	Nguyễn Kim	Nhung	29/07/2002	KD8H	06					
16	000256	0810211042	Nguyễn Thu	Phương	06/04/2002	KD8H	06					HP
17	000257	0810211208	Phạm Đức	Thắng	01/11/2002	KD8H	06					
18	000258	0810210133	Bùi Bích	Thảo	30/10/2001	KD8H	06					
19	000259	0810210134	Bùi Thị	Thảo	17/09/2001	KD8H	06					
20	000260	0810210140	Nguyễn Thị Thu	Thảo	29/12/2002	KD8H	06					
21	000261	0810211221	Hồ Thị Hoài	Thu	13/09/2002	KD8H	06					
22	000262	0810210218	Ngô Thị	Thu	02/02/2002	KD8H	06					
23	000263	0810210832	Phạm Thị Thanh	Thúy	13/04/2002	KD8H	06					
24	000264	0810210998	Nguyễn Thị	Thủy	09/08/2002	KD8H	06					
25	000265	0810210799	Phạm Thị Thanh	Tú	03/05/2002	KD8H	06					
26	000266	0810211240	Nguyễn Sơn	Tùng	23/03/2000	KD8H	06					
27	000267	0810210949	Tạ Thị Mỹ	Uyên	14/11/2002	KD8H	06					
28	000268	0810210617	Đỗ Thị	Yên	10/07/2002	KD8H	06					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Quản trị tác nghiệp thương mại quốc tế

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0710810238	Nguyễn Thành	Long	01/01/2001	TM7A	01					HP,ĐK
2	000002	0810810817	Đặng Thị Ngọc	Anh	21/12/2001	TM8A	01					
3	000003	0810811727	Nguyễn Thị Kim	Anh	27/07/2002	TM8A	01					
4	000004	0810811041	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/10/2002	TM8A	01					
5	000005	0810811720	Cao Thị	Hiếu	02/01/2002	TM8A	01					
6	000006	0810811716	Trịnh Thanh	Hương	22/03/2002	TM8A	01					
7	000007	0810811432	Tạ Thị	Lan	10/10/2002	TM8A	01					
8	000008	0810811739	Đỗ Khánh	Linh	28/09/2002	TM8A	01					
9	000009	0810811738	Bùi Đức	Mạnh	28/07/2002	TM8A	01					
10	000010	0810811712	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	25/03/2002	TM8A	01					
11	000011	0810811028	Nguyễn Hồng Bảo	Ngọc	26/07/2001	TM8A	01					
12	000012	0810811273	Hoàng Trúc	Quỳnh	04/09/2002	TM8A	01					
13	000013	0810811025	Nguyễn Thị	Thư	02/10/2002	TM8A	01					
14	000014	0810810249	Trịnh Thanh	Trang	27/09/2002	TM8A	01					
15	000015	0810810990	Nguyễn Diệu	Trinh	30/09/2002	TM8A	01					
16	000016	0810810830	Hoàng Khánh	Tùng	26/09/2001	TM8A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Kinh tế nguồn nhân lực

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810721745	Lê Cao Phú	An	27/11/2002	KL8A	01					
2	000002	0810720257	Hoàng Thị Thu	Hà	27/05/2002	KL8A	01					
3	000003	0810720262	Vũ Thị Mai	Linh	05/06/2002	KL8A	01					
4	000004	0810721302	Lê Thị Minh	Nguyệt	26/10/2002	KL8A	01					
5	000005	0810721307	Dương Thị	Quyên	24/03/2002	KL8A	01					
6	000006	0810720814	Lê Phương	Thảo	21/06/2002	KL8A	01					
7	000007	0810720907	Nguyễn Thanh	Tùng	14/01/2002	KL8A	01					
8	000008	0810721733	Nguyễn Thị Lan	Vy	01/11/2002	KL8A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Kiểm toán tài chính HP2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810611252	Nguyễn Đình	An	10/09/2002	KA8A	01					
2	000002	0810611746	Nguyễn Thanh	Hà	30/03/2002	KA8A	01					
3	000003	0810610895	Nguyễn Thế	Hiền	12/04/2002	KA8A	01					
4	000004	0810610838	Dương Thị Thanh	Hoài	22/11/2002	KA8A	01					
5	000005	0810610230	Lê Thanh	Hương	30/06/2002	KA8A	01					
6	000006	0810611256	Nguyễn Thanh	Huyền	24/11/2002	KA8A	01					
7	000007	0810611743	Nguyễn Thị Khánh	Linh	19/08/2002	KA8A	01					HP,ĐK
8	000008	0810611022	Vũ Thị	Minh	19/12/2002	KA8A	01					
9	000009	0810611000	Bùi Thị Huyền	My	15/12/2002	KA8A	01					
10	000010	0810231103	Đinh Văn	Nghĩa	15/03/2002	KA8A	01					
11	000011	0810610122	Nguyễn Thị	Nhung	17/01/2002	KA8A	01					
12	000012	0810610232	Trần Đức	Thắng	31/01/2002	KA8A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001011174	Bùi Huy	Anh	12/12/2004	NH10A	15					
2	000002	1001011341	Lê Ngọc	Anh	20/04/2004	NH10A	15					
3	000003	1001011344	Nguyễn Trâm	Anh	01/04/2004	NH10A	15					HP,ĐK
4	000004	1001010759	Nguyễn Linh	Đan	07/08/2004	NH10A	15					
5	000005	1001010761	Lã Chí	Đạt	22/11/2004	NH10A	15					
6	000006	1001010081	Phạm Thị	Dịu	06/02/2004	NH10A	15					
7	000007	1001011720	Đinh Xuân	Đức	07/10/2004	NH10A	15					
8	000008	1001010764	Lý Huỳnh	Đức	04/05/2004	NH10A	15					
9	000009	1001010766	Phan Huy	Đức	13/05/2004	NH10A	15					
10	000010	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	15					HP
11	000011	1001010770	Lương Anh	Dũng	22/11/2004	NH10A	15					
12	000012	1001010773	Tôn Ngọc	Dương	14/05/2004	NH10A	15					
13	000013	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	15					
14	000014	1001010776	Trần Mỹ	Duyên	21/08/2004	NH10A	15					
15	000015	1001010777	Trần Ngọc	Hà	10/04/2004	NH10A	15					
16	000016	1001010781	Trần Huy	Hải	14/07/2004	NH10A	15					
17	000017	1001010784	Trần Minh	Hiếu	06/12/2004	NH10A	15					
18	000018	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	15					
19	000019	1001011351	Mai Trung	Hoàng	26/01/2004	NH10A	15					
20	000020	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	15					
21	000021	1001011352	Nguyễn Duy	Hưng	25/08/2004	NH10A	15					HP,ĐK
22	000022	1001010791	Cầm Quế	Hương	22/07/2004	NH10A	15					
23	000023	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	NH10A	15					
24	000024	1001011461	Nguyễn Ngọc	Huy	11/07/2001	NH10A	15					HP,ĐK
25	000025	1001011388	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12/07/2004	NH10A	15					
26	000026	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	15					
27	000027	1001010800	Nguyễn Hoàng	Lâm	07/02/2004	NH10A	15					
28	000028	1001010804	Lê Phương	Liên	21/09/2004	NH10A	15					
29	000029	1001010809	Lê Thị Thùy	Linh	01/09/2004	NH10A	15					
30	000030	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	15					
31	000031	1001010813	Nguyễn Hà	Linh	24/08/2004	NH10A	16					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
32	000032	1001011450	Nguyễn Thị Mai	Linh	10/02/2004	NH10A	16					
33	000033	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	16					
34	000034	1001010819	Lê Phú	Lương	27/12/2004	NH10A	16					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	16					
2	000036	1001010829	Nguyễn Trà	My	04/11/2004	NH10A	16					
3	000037	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	16					ĐK
4	000038	1001010837	Trần Văn	Nhân	15/10/2004	NH10A	16					ĐK
5	000039	1001010841	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	03/11/2003	NH10A	16					
6	000040	1001010842	Ngô Thế	Phát	17/11/2004	NH10A	16					
7	000041	1001011374	Nguyễn Thị Thanh	Phuong	28/12/2004	NH10A	16					
8	000042	1001010851	Nguyễn Ngọc	Quân	03/10/2004	NH10A	16					
9	000043	1001011463	Ngô Thị Ngọc	Quỳnh	28/07/2004	NH10A	16					
10	000044	1001010853	Trần Thị Như	Quỳnh	12/08/2004	NH10A	16					HP,ĐK
11	000045	1001011377	Đặng Thị Thanh	Thắm	02/09/2004	NH10A	16					
12	000046	1001010859	Nguyễn Quang	Thắng	21/10/2003	NH10A	16					HP,ĐK
13	000047	1001010861	Lê Bá	Thanh	22/03/2004	NH10A	16					ĐK
14	000048	1001010869	Hoàng Thị Minh	Thu	25/09/2004	NH10A	16					
15	000049	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	16					
16	000050	1001010297	Lê Long	Thủy	15/10/2000	NH10A	16					
17	000051	1001011381	Phan Thị Hồng	Thúy	26/02/2004	NH10A	16					
18	000052	1001010876	Vũ Huy	Tiến	08/06/2004	NH10A	16					ĐK
19	000053	1001010877	Đinh Đức	Toàn	14/07/2004	NH10A	16					
20	000054	1001011458	Hoàng Bảo	Trân	01/12/2003	NH10A	16					
21	000055	1001010880	Bùi Thị Thùy	Trang	13/05/2004	NH10A	16					
22	000056	1001010882	Lưu Huỳnh Thùy	Trang	08/12/2004	NH10A	16					ĐK
23	000057	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	16					
24	000058	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	16					
25	000059	1001010887	Nguyễn Quốc	Tuấn	09/03/2003	NH10A	16					
26	000060	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	16					
27	000061	1001010747	Lê Xuân	An	04/10/2004	TC10A	17					HP,ĐK
28	000062	1001011456	Hoàng Mỹ	Anh	09/11/2004	TC10A	17					
29	000063	1001011441	Nguyễn Đào Vi	Anh	22/09/2001	TC10A	17					HP
30	000064	1001011457	Nguyễn Phương	Anh	25/12/2004	TC10A	17					
31	000065	1001011733	Nguyễn Quốc	Anh	09/12/2004	TC10A	17					HP,ĐK
32	000066	1001010753	Nguyễn Tuấn	Anh	30/10/2004	TC10A	17					
33	000067	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	17					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000068	1001011387	Nguyễn Thị	Chuyên	09/03/2004	TC10A	17					
2	000069	1001011399	Lê Hoàng	Đạt	09/02/2004	TC10A	17					HP,ĐK
3	000070	1001010762	Nguyễn Tiến	Đạt	26/05/2004	TC10A	17					
4	000071	1001010763	Lê Ngọc	Diệp	10/06/2004	TC10A	17					
5	000072	1001010765	Nguyễn Hoàng	Đức	20/10/2004	TC10A	17					
6	000073	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	17					
7	000074	1001010774	Trần Thùy	Dương	17/02/2004	TC10A	17					ĐK
8	000075	1001011748	Chu Ngọc	Hải	11/02/2004	TC10A	17					HP,ĐK
9	000076	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	17					
10	000077	1001011349	Phạm Thị Thanh	Hiền	26/01/2004	TC10A	17					HP,ĐK
11	000078	1001010783	Lương Trung	Hiếu	09/09/2004	TC10A	17					
12	000079	1001010788	Nông Vũ	Hoàng	16/08/2004	TC10A	17					
13	000080	1001011236	Bùi Thị	Hương	10/10/2003	TC10A	17					HP
14	000081	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	17					
15	000082	1001010798	Phạm Duy	Khiêm	26/04/2004	TC10A	17					
16	000083	1001010801	Nguyễn Tùng	Lâm	26/09/2004	TC10A	17					
17	000084	1001010803	Cao Ngọc	Lan	19/08/2004	TC10A	17					
18	000085	1001011363	Nguyễn Thảo	Linh	19/10/2003	TC10A	17					
19	000086	1001011365	Hàn Ngọc	Long	13/12/2004	TC10A	17					
20	000087	1001010818	Trịnh Phúc	Long	17/04/2004	TC10A	18					ĐK
21	000088	1001011393	Trần Khánh	Ly	31/03/2003	TC10A	18					
22	000089	1001011453	Đào Ngọc	Minh	18/07/2004	TC10A	18					
23	000090	1001010828	Nguyễn Lương	Minh	02/08/2004	TC10A	18					
24	000091	1001010834	Nguyễn Ngọc	Nghĩa	15/09/2004	TC10A	18					
25	000092	1001010835	Phạm Hồng	Ngọc	20/04/2004	TC10A	18					
26	000093	1001010229	Đỗ Thị Thảo	Nhi	23/01/2004	TC10A	18					
27	000094	1001010844	Trần Hoàng	Phong	09/05/2004	TC10A	18					
28	000095	1001010849	Đỗ Minh	Quân	02/02/2004	TC10A	18					
29	000096	1001010852	Lê Phú	Quý	03/08/2003	TC10A	18					
30	000097	1001011743	Nguyễn Hồng	Son	23/03/2000	TC10A	18					HP,ĐK
31	000098	1001010905	Phạm Trọng	Tài	16/12/2004	TC10A	18					
32	000099	1001010858	Trần Hồng	Thái	09/03/2004	TC10A	18					HP,ĐK
33	000100	1001010862	Nguyễn Tiến	Thành	26/05/2004	TC10A	18					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000101	1001010864	Hoàng Thị	Thảo	15/04/2003	TC10A	18					
2	000102	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	18					
3	000103	1001010870	Vũ Minh	Thu	25/02/2004	TC10A	18					
4	000104	1001010871	Đỗ Thu	Thuận	26/12/2002	TC10A	18					
5	000105	1001010873	Nguyễn Thu	Thủy	15/12/2004	TC10A	18					
6	000106	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	18					
7	000107	1001010881	Hà Thị Thu	Trang	08/02/2004	TC10A	18					
8	000108	1001011732	Nguyễn Quốc	Tuấn	09/12/2004	TC10A	18					HP,ĐK
9	000109	1001010889	Nguyễn Phương	Uyên	13/07/2004	TC10A	18					
10	000110	1001010890	Lăng Quốc	Việt	29/10/2004	TC10A	18					
11	000111	1001011337	Nguyễn Thị Tường	An	10/03/2004	TC10B	19					
12	000112	1001011340	Hoàng Quỳnh	Anh	19/01/2004	TC10B	19					
13	000113	1001010750	Nguyễn Ngọc	Anh	20/11/2004	TC10B	19					
14	000114	1001010752	Nguyễn Trần Quỳnh	Anh	10/08/2004	TC10B	19					HP,ĐK
15	000115	1001010754	Phạm Mai Quỳnh	Anh	11/06/2004	TC10B	19					
16	000116	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	19					
17	000117	1001010757	Hán Mạnh	Cường	17/05/2004	TC10B	19					
18	000118	1001011727	Nguyễn Việt	Đạt	12/02/2000	TC10B	19					HP,ĐK
19	000119	1001011687	Đặng Hà	Đông	01/12/2004	TC10B	19					
20	000120	1001010772	Phạm Thùy	Dương	12/11/2004	TC10B	19					
21	000121	1001010780	Nguyễn Minh	Hải	26/04/2004	TC10B	19					
22	000122	1001011348	Lộc Tuyết	Hậu	27/08/2004	TC10B	19					
23	000123	1001011737	Dương Trung	Hiếu	10/10/2004	TC10B	19					HP,ĐK
24	000124	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	19					
25	000125	1001010786	Nguyễn Văn	Hoàn	29/12/2004	TC10B	19					
26	000126	1001011465	Trần Cảnh	Hưng	09/10/2004	TC10B	19					HP,ĐK
27	000127	1001011692	Đỗ Thị	Hường	02/12/2004	TC10B	19					
28	000128	1001011355	Nguyễn Khánh	Huyền	02/04/2004	TC10B	19					
29	000129	1001010794	Nguyễn Khánh	Huyền	04/11/2004	TC10B	19					
30	000130	1001010795	Nguyễn Ngọc	Huyền	06/09/2004	TC10B	19					
31	000131	1001010796	Phạm Thị Thanh	Huyền	25/06/2004	TC10B	19					
32	000132	1001011693	Hoàng Văn	Khỏe	02/04/1996	TC10B	19					
33	000133	1001011734	Cao Đỗ	Khôi	28/10/2003	TC10B	19					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000134	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	19					
2	000135	1001010802	Nguyễn Tùng	Lâm	12/03/2004	TC10B	19					
3	000136	1001011383	Bùi Phương	Trang	23/12/2004	TC10A	20					
4	000137	1001010811	Ngô Hoàng Thùy	Linh	05/08/2004	TC10B	20					
5	000138	1001010816	Đình Hoàng	Long	10/04/2004	TC10B	20					HP,ĐK
6	000139	1001010817	Mã Đức	Long	13/12/2004	TC10B	20					
7	000140	1001011744	Phạm Hải	Long	07/09/2000	TC10B	20					HP,ĐK
8	000141	1001010820	Nguyễn Khánh	Ly	18/06/2004	TC10B	20					
9	000142	1001010821	Nguyễn Khoa	Lý	12/08/2004	TC10B	20					HP,ĐK
10	000143	1001010826	Lê Hoàng	Minh	21/09/2004	TC10B	20					HP,ĐK
11	000144	1001010831	Đặng Xuân	Nam	23/11/2004	TC10B	20					
12	000145	1001010215	Trần Trọng	Nghĩa	05/10/2004	TC10B	20					
13	000146	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	20					
14	000147	1001010848	Trần Mai	Phương	29/12/2004	TC10B	20					
15	000148	1001010850	Nguyễn Hoàng	Quân	27/08/2004	TC10B	20					
16	000149	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	20					
17	000150	1001010857	Hoàng Hà Băng	Tâm	10/08/2004	TC10B	20					
18	000151	1001011664	Đỗ Văn	Thành	14/11/2004	TC10B	20					HP,ĐK
19	000152	1001010863	Phạm Đình Khoa	Thành	31/08/2004	TC10B	20					ĐK
20	000153	1001010867	Phạm Phương	Thảo	13/02/2004	TC10B	20					
21	000154	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	20					
22	000155	1001011455	Hoàng Hà Anh	Thư	26/02/2004	TC10B	20					
23	000156	1001011467	Đàm Phương	Thùy	19/10/2004	TC10B	20					
24	000157	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	20					
25	000158	1001011454	Đặng Quỳnh	Trang	07/10/2002	TC10B	20					
26	000159	1001010891	Hoàng Anh	Vũ	26/08/2004	TC10B	20					HP
27	000160	1001010894	Nguyễn Thị	Xuân	09/05/2004	TC10B	20					
28	000161	1001030460	Lý Quốc	An	27/07/2004	QM10A	21					
29	000162	1001031178	Đỗ Thị Thảo	Anh	08/06/2004	QM10A	21					
30	000163	1001031181	Ngô Tuấn	Anh	16/02/2004	QM10A	21					
31	000164	1001030481	Nguyễn Thành Nam	Anh	31/12/2004	QM10A	21					
32	000165	1001030488	Vũ Hồng	Anh	12/11/2004	QM10A	21					
33	000166	1001031621	Vũ Thị Vân	Anh	04/05/2004	QM10A	21					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000167	1001031623	Nguyễn Văn	Bình	12/08/2004	QM10A	21					
2	000168	1001030510	Đỗ Tiến	Đạt	30/06/2004	QM10A	21					
3	000169	1001031466	Đỗ Minh	Diện	19/10/2001	QM10A	21					HP,ĐK
4	000170	1001030528	Đào Thùy	Dương	21/11/2004	QM10A	21					
5	000171	1001031217	Vương Thùy	Giang	11/09/2004	QM10A	21					
6	000172	1001031218	Ma Thị	Hằng	24/05/2004	QM10A	21					
7	000173	1001030547	Đào Anh	Hào	15/01/2003	QM10A	21					
8	000174	1001030554	Phạm Thúy	Hiền	11/04/2004	QM10A	21					
9	000175	1001031636	Hà Trung	Hiếu	28/11/2004	QM10A	21					
10	000176	1001030562	Lê Phương	Hòa	29/07/2004	QM10A	21					
11	000177	1001030574	Phạm Đức Quang	Huy	23/09/2004	QM10A	21					
12	000178	1001030576	Vũ Quang	Huy	02/03/2004	QM10A	21					
13	000179	1001031248	Nguyễn Hữu	Khang	19/09/2004	QM10A	21					
14	000180	1001030597	Đoàn Gia	Linh	14/10/2003	QM10A	21					
15	000181	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	21					
16	000182	1001030604	Nguyễn Mai	Linh	10/08/2004	QM10A	21					
17	000183	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	21					
18	000184	1001030614	Trịnh Đức	Long	02/07/2004	QM10A	21					
19	000185	1001030622	Nguyễn Thảo	Ly	12/10/2004	QM10A	21					HP,ĐK
20	000186	1001031269	Trần Thị Tuyết	Mai	01/03/2004	QM10A	22					
21	000187	1001031270	Khúc Bá	Minh	28/01/2004	QM10A	22					
22	000188	1001030648	Nguyễn Trung	Nguyễn	10/09/2003	QM10A	22					
23	000189	1001030657	Nguyễn Ngọc	Oanh	28/08/2004	QM10A	22					
24	000190	1001030662	Đỗ Hoàng	Phúc	11/10/2004	QM10A	22					
25	000191	1001030667	Nguyễn Hà	Phương	13/11/2004	QM10A	22					HP,ĐK
26	000192	1001030669	Phạm Thị Thu	Phương	15/01/2004	QM10A	22					
27	000193	1001031395	Trần Thị	Quỳnh	17/02/2004	QM10A	22					
28	000194	1001030680	Nguyễn Quang	Sang	05/04/2004	QM10A	22					
29	000195	1001030682	Nguyễn Tiến	Sỹ	23/11/2004	QM10A	22					ĐK
30	000196	1001031304	Lê Phương	Thanh	29/04/2004	QM10A	22					
31	000197	1001030691	Vương Thị Mai	Thanh	15/02/2004	QM10A	22					
32	000198	1001031397	Mai Phương	Thảo	07/10/2004	QM10A	22					
33	000199	1001030696	Nguyễn Hoàng Phương	Thảo	20/09/2004	QM10A	22					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000200	1001030697	Nguyễn Phương	Thảo	29/11/2004	QM10A	22					
2	000201	1001031666	Nguyễn Thị Phương	Thảo	13/05/2004	QM10A	22					
3	000202	1001030701	Trương Thị	Thoan	09/09/2003	QM10A	22					
4	000203	1001030705	Nguyễn Thị	Thương	16/07/2004	QM10A	22					
5	000204	1001031729	Đinh Xuân	Tiến	17/01/2004	QM10A	22					HP,ĐK
6	000205	1001031676	Lê Thị Hà	Trang	10/07/2004	QM10A	22					
7	000206	1001031322	Hà Thị Thanh	Trúc	13/01/2004	QM10A	22					
8	000207	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	22					
9	000208	1001030731	Nguyễn Hữu Minh	Tuấn	15/11/2004	QM10A	22					
10	000209	1001031400	Nguyễn Thị Kim	Uyên	03/04/2004	QM10A	22					
11	000210	1001031392	Đàm Thị Kiều	Xuân	26/09/2004	QM10A	22					
12	000211	1001030742	Nguyễn Như	Ý	27/01/2004	QM10A	22					
13	000212	1001030748	Tô Ngọc Hà	An	29/05/2004	QM10B	23					
14	000213	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM10B	23					
15	000214	1001030475	Nguyễn Hải	Anh	08/07/2004	QM10B	23					
16	000215	1001030482	Nguyễn Thị Hải	Anh	06/09/2004	QM10B	23					
17	000216	1001030483	Nguyễn Thị Mai	Anh	11/03/2004	QM10B	23					HP,ĐK
18	000217	1001031188	Nguyễn Thị Vân	Anh	24/01/2003	QM10B	23					HP,ĐK
19	000218	1001031189	Nguyễn Việt	Anh	20/10/2004	QM10B	23					
20	000219	1001031190	Phan Thị Mai	Anh	14/05/2004	QM10B	23					HP,ĐK
21	000220	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	23					ĐK
22	000221	1001030494	Đoàn Thị Ngọc	Ánh	01/02/2004	QM10B	23					
23	000222	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	23					
24	000223	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM10B	23					
25	000224	1001030516	Nguyễn Thị Bích	Diệp	22/10/2004	QM10B	23					HP,ĐK
26	000225	1001030535	Lê Ninh	Giang	27/08/2004	QM10B	23					
27	000226	1001030540	Hoàng Trung	Hải	22/03/2004	QM10B	23					
28	000227	1001030545	Tạ Thị	Hằng	24/08/2004	QM10B	23					
29	000228	1001030549	Nguyễn Thị Mai	Hậu	11/04/2004	QM10B	23					
30	000229	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	23					
31	000230	1001030556	Lê Đức	Hiếu	25/10/2004	QM10B	23					
32	000231	1001030559	Trần Minh	Hiếu	16/11/2004	QM10B	23					HP,ĐK
33	000232	1001030564	Nguyễn Huy	Hoàng	12/10/2004	QM10B	23					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000233	1001030568	Trần Thu	Hường	11/10/2004	QM10B	23					
2	000234	1001030573	Nguyễn Quang	Huy	09/08/2004	QM10B	23					HP,ĐK
3	000235	1001031398	Trần Sỹ Quang	Huy	27/04/2004	QM10B	23					
4	000236	1001030582	Nguyễn Khánh	Huyền	26/10/2004	QM10B	23					
5	000237	1001030587	Phan Thị Thanh	Huyền	10/11/2004	QM10B	23					
6	000238	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	23					ĐK
7	000239	1001030598	Dương Thị Thuý	Linh	06/01/2004	QM10B	23					
8	000240	1001031224	Nguyễn Lương	Hiếu	22/01/2004	QM10A	24					HP,ĐK
9	000241	1001030570	Hoàng Thế	Huy	02/11/2004	QM10A	24					
10	000242	1001030600	Lưu Thị Khánh	Linh	02/09/2004	QM10B	24					
11	000243	1001030606	Nguyễn Thùy	Linh	01/10/2004	QM10B	24					
12	000244	1001030613	Hồ Tuấn	Long	06/04/2004	QM10B	24					
13	000245	1001030620	Lê Thị	Ly	12/10/2004	QM10B	24					
14	000246	1001030623	Nguyễn Hoàng Xuân	Mai	05/02/2004	QM10B	24					
15	000247	1001030625	Vũ Thị	Mai	26/08/2004	QM10B	24					
16	000248	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	24					ĐK
17	000249	1001030652	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	25/12/2004	QM10B	24					
18	000250	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	24					
19	000251	1001031289	Bùi Thị Xuân	Phương	11/10/2004	QM10B	24					HP,ĐK
20	000252	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	24					
21	000253	1001030674	Nguyễn Văn	Quý	09/11/2000	QM10B	24					
22	000254	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM10B	24					
23	000255	1001030686	Lê Thị	Tâm	11/04/2004	QM10B	24					
24	000256	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	24					
25	000257	1001030693	Nguyễn Thị	Thành	24/02/2004	QM10B	24					
26	000258	1001030698	Nguyễn Thanh	Thảo	03/07/2004	QM10B	24					
27	000259	1001031307	Đặng Duy	Thế	10/09/2004	QM10B	24					
28	000260	1001030703	Thân Thị Hoàng	Thu	10/08/2004	QM10B	24					
29	000261	1001030709	Nguyễn Thủy	Tiên	22/12/2004	QM10B	24					
30	000262	1001030712	Trần Đức	Toàn	16/08/2004	QM10B	24					
31	000263	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	24					
32	000264	1001030724	Nguyễn Trọng	Trung	15/10/2004	QM10B	24					HP,ĐK
33	000265	1001030726	Đào Tuấn	Trương	04/04/2003	QM10B	24					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000266	1001031326	Nguyễn Thị Tố	Uyên	26/11/2004	QM10B	24					
2	000267	1001030737	Đặng Quốc	Việt	24/12/2004	QM10B	24					
3	000268	1001030741	Trương Thị Thanh	Xuân	20/01/2004	QM10B	24					
4	000269	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM10B	24					
5	000270	1001030459	Lê Thị Kim	An	07/04/2004	QT10A	25					HP,ĐK
6	000271	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	25					
7	000272	1001030467	Đỗ Thị Phương	Anh	15/01/2004	QT10A	25					
8	000273	1001030469	Hà Vân	Anh	27/08/2004	QT10A	25					
9	000274	1001030473	Nguyễn Đức	Anh	19/05/2004	QT10A	25					
10	000275	1001030478	Nguyễn Phương	Anh	30/09/2004	QT10A	25					
11	000276	1001030492	Vũ Xuân	Anh	03/03/2004	QT10A	25					
12	000277	1001031195	Lã Thị Phương	Ánh	14/08/2004	QT10A	25					
13	000278	1001031198	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	14/04/2004	QT10A	25					
14	000279	0901030556	Nguyễn Thị Minh	Ánh	06/10/2003	QT10A	25					
15	000280	1001031204	Nguyễn Thị Minh	Chi	08/03/2004	QT10A	25					
16	000281	1001030501	Vi Ngọc Hương	Chi	06/01/2004	QT10A	25					
17	000282	1001030949	Hoàng Thanh	Chúc	21/12/2004	QT10A	25					
18	000283	1001031205	Nguyễn Thành	Công	03/08/2004	QT10A	25					HP
19	000284	1001030512	Nguyễn Thành	Đạt	27/08/2004	QT10A	25					
20	000285	1001030515	Mai Hồ Ngọc	Diệp	24/11/2004	QT10A	25					
21	000286	1001030520	Đỗ Minh	Đức	19/10/2004	QT10A	25					HP,ĐK
22	000287	1001030526	Đoàn Vân	Dung	04/09/2004	QT10A	25					
23	000288	1001030529	Lê Tùng	Dương	19/06/2004	QT10A	25					
24	000289	1001030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	05/08/2004	QT10A	25					
25	000290	1001030536	Nguyễn Thị Thu	Hà	28/08/2003	QT10A	25					
26	000291	1001031468	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2003	QT10A	25					
27	000292	1001031451	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	29/10/2004	QT10A	25					
28	000293	1001030551	Phạm Thị	Hậu	19/01/2003	QT10A	25					
29	000294	1001030557	Nguyễn Ngọc	Hiếu	28/06/2004	QT10A	25					
30	000295	1001030563	Hàn Thị Bích	Hoài	24/10/2004	QT10A	25					
31	000296	1001031638	Lê Việt	Hoàng	12/07/2003	QT10A	25					
32	000297	1001031747	Phạm Huy	Hoàng	23/10/1996	QT10A	25					
33	000298	1001031233	Nguyễn Văn	Hùng	19/10/2004	QT10A	25					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000299	1001031238	Lã Thị	Hương	12/08/2001	QT10A	25					
2	000300	1001030577	Bùi Thị Thanh	Huyền	24/03/2004	QT10A	25					
3	000301	1001030579	Đỗ Thanh	Huyền	31/03/2004	QT10A	25					
4	000302	1001030583	Nguyễn Thị	Huyền	29/03/2003	QT10A	26					
5	000303	1001031726	Vũ Minh	Khang	24/10/2004	QT10A	26					HP,ĐK
6	000304	1001030593	Hoàng Tiến	Lâm	30/10/2004	QT10A	26					ĐK
7	000305	1001031250	Nguyễn Thị	Lan	20/07/2004	QT10A	26					
8	000306	1001030399	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	QT10A	26					HP,ĐK
9	000307	0901030558	Nguyễn Thùy	Linh	11/10/2003	QT10A	26					
10	000308	1001031647	Trần Phương	Linh	13/11/2004	QT10A	26					
11	000309	1001030626	Nguyễn Văn	Mạnh	04/04/2004	QT10A	26					
12	000310	1001030634	Vũ Huy	Nam	08/08/2004	QT10A	26					
13	000311	1001030636	Đào Thị	Ngân	26/12/2004	QT10A	26					
14	000312	1001030644	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	04/11/2004	QT10A	26					
15	000313	1001030646	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/12/2004	QT10A	26					
16	000314	1001030651	Hoàng Thị Quỳnh	Như	16/01/2004	QT10A	26					
17	000315	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	26					
18	000316	1001030668	Nguyễn Thị Thu	Phương	13/12/2004	QT10A	26					
19	000317	1001030672	Nguyễn Minh	Quân	20/02/2004	QT10A	26					
20	000318	1001030684	Nguyễn Trọng	Tài	25/08/2004	QT10A	26					
21	000319	1001031303	Đỗ Phương	Thanh	31/07/2004	QT10A	26					
22	000320	1001031394	Vũ Thị	The	12/03/2004	QT10A	26					
23	000321	1001030704	Trịnh Văn	Thuận	25/10/2004	QT10A	26					
24	000322	1001031452	Bùi Thị	Thùy	12/12/2004	QT10A	26					
25	000323	1001030711	Lê Công	Toàn	26/08/2004	QT10A	26					
26	000324	1001030713	Lý Thu	Trà	12/01/2004	QT10A	26					
27	000325	1001030718	Đoàn Thị Khánh	Trang	07/05/2004	QT10A	26					
28	000326	1001031576	Lương Thị Quỳnh	Trang	11/09/2004	QT10A	26					
29	000327	1001030720	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/03/2004	QT10A	26					
30	000328	1001031730	Vũ Huyền	Trang	14/11/2004	QT10A	26					
31	000329	1001030727	Phạm Lam	Trương	06/03/2004	QT10A	26					HP,ĐK
32	000330	1001030730	Đặng Quốc	Tuấn	13/09/2004	QT10A	26					
33	000331	1001031328	Nguyễn Thị Chà	Vi	11/02/2004	QT10A	26					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000332	1001030743	Bùi Thị Hải	Yến	28/01/2004	QT10A	26					
2	000333	1001030462	Bùi Thị Lan	Anh	04/04/2004	QT10B	27					
3	000334	1001030466	Đỗ Phương	Anh	24/11/2004	QT10B	27					
4	000335	1001030468	Dương Hoàng	Anh	21/09/2004	QT10B	27					
5	000336	1001030470	Hoàng Bá Nam	Anh	24/09/2004	QT10B	27					
6	000337	1001031751	Lê Đức	Anh	12/12/2002	QT10B	27					HP,ĐK
7	000338	1001031736	Nguyễn Duy	Anh	24/11/2003	QT10B	27					HP,ĐK
8	000339	1001030474	Nguyễn Hải	Anh	24/10/2003	QT10B	27					HP,ĐK
9	000340	1001031710	Trần Thị Lan	Anh	05/11/2004	QT10B	27					
10	000341	1001030493	Doãn Thị Minh	Ánh	16/09/2004	QT10B	27					
11	000342	1001031197	Lê Thị Nhật	Ánh	25/05/2004	QT10B	27					
12	000343	1001030496	Nguyễn Đức	Biên	27/09/2004	QT10B	27					HP
13	000344	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	27					
14	000345	1001030502	Phạm Minh	Chiến	23/09/2004	QT10B	27					HP,ĐK
15	000346	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	27					
16	000347	1001031741	Lê Minh	Công	14/11/2002	QT10B	27					HP,ĐK
17	000348	1001030505	Phan Thành	Công	02/01/2004	QT10B	27					
18	000349	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	27					
19	000350	1001030513	Phùng Văn	Đạt	22/12/2004	QT10B	27					
20	000351	1001030517	Nguyễn Hoàng	Diệu	27/01/2004	QT10B	27					
21	000352	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	27					HP,ĐK
22	000353	1001030527	Đinh Tiến	Dũng	12/02/2004	QT10B	27					
23	000354	1001030531	Đoàn Quang	Duy	29/12/2004	QT10B	27					
24	000355	1001031630	Nguyễn Ngân	Hà	22/05/2004	QT10B	27					HP,ĐK
25	000356	1001030538	Nguyễn Thu	Hà	17/08/2004	QT10B	27					
26	000357	1001030539	Nguyễn Việt	Hà	02/04/2004	QT10B	27					
27	000358	1001030546	Trần Thị Mỹ	Hạnh	22/11/2003	QT10B	27					
28	000359	1001030552	Nguyễn Thị Thu	Hiền	22/05/2004	QT10B	27					
29	000360	1001030560	Đặng Quang	Hoá	06/02/2004	QT10B	27					
30	000361	1001031237	Đỗ Thu	Hương	08/09/2004	QT10B	27					
31	000362	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	27					ĐK
32	000363	1001030578	Đinh Thị Thanh	Huyền	24/04/2004	QT10B	27					
33	000364	1001031246	Lô Ngọc	Huyền	06/10/2004	QT10B	27					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K10 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Tiếng Anh cơ bản 1

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000365	1001030584	Nguyễn Thị Thu	Huyền	24/09/2004	QT10B	27					
2	000366	1001030590	Tạ Ngọc	Khánh	20/11/2004	QT10B	28					
3	000367	1001030595	Phạm Bảo	Lâm	04/10/2004	QT10B	28					HP
4	000368	1001030805	Đỗ Ngọc	Linh	15/08/2004	QT10B	28					
5	000369	1001031258	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2004	QT10B	28					
6	000370	1001031391	Phạm Thuý	Linh	14/07/2004	QT10B	28					
7	000371	1001031470	Mai Huy	Long	20/07/2003	QT10B	28					HP,ĐK
8	000372	1001030616	Đỗ Thị Khánh	Ly	02/05/2004	QT10B	28					
9	000373	1001030629	Phạm Thị Trà	My	29/06/2004	QT10B	28					
10	000374	1001030904	Cao Quỳnh	Nga	08/01/2004	QT10B	28					
11	000375	1001031276	Cao Hồng	Ngọc	19/06/2004	QT10B	28					
12	000376	1001030645	Nguyễn Văn	Ngọc	04/12/2004	QT10B	28					
13	000377	1001031459	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	21/11/2004	QT10B	28					
14	000378	1001030649	Nguyễn Thị	Nhâm	10/02/2004	QT10B	28					ĐK
15	000379	1001030650	Ngô Yến	Nhi	02/03/2004	QT10B	28					
16	000380	1001030656	Lê Thị Lâm	Oanh	08/09/2004	QT10B	28					
17	000381	1001030666	Lý Thu	Phương	10/09/2004	QT10B	28					
18	000382	1001030671	Nguyễn Lê Hồng	Phượng	19/04/2004	QT10B	28					ĐK
19	000383	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	28					
20	000384	1001030681	Nguyễn Hữu	Son	08/12/2004	QT10B	28					
21	000385	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	28					
22	000386	1001030692	Dương Trường	Thành	26/09/2004	QT10B	28					
23	000387	1001031469	Hoàng Văn	Thìn	08/11/2004	QT10B	28					HP,ĐK
24	000388	1001030706	Trịnh Thị	Thuy	20/12/2004	QT10B	28					
25	000389	1001030708	Chu Thủy	Tiên	13/01/2001	QT10B	28					
26	000390	1001030717	Đinh Thị Thùy	Trang	12/01/2004	QT10B	28					
27	000391	1001030719	Hà Thị Thùy	Trang	07/10/2004	QT10B	28					
28	000392	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	28					
29	000393	1001031389	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/11/2004	QT10B	28					
30	000394	1001030729	Chữ Quốc	Tuấn	30/03/2004	QT10B	28					
31	000395	1001031746	Đặng Minh	Tuấn	27/03/2002	QT10B	28					HP,ĐK
32	000396	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	28					
33	000397	1001031329	Hoàng Thế	Vinh	08/08/2002	QT10B	28					ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Quản lý tài chính công

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810111064	Nguyễn Nhân	Anh	03/07/2002	TC8A	01					
2	000002	0810111071	Trương Ngọc	Anh	26/07/2002	TC8A	01					
3	000003	0810111088	Vũ Thị Phương	Anh	26/06/2000	TC8A	01					
4	000004	0810111075	Đoàn Thị	Ánh	11/06/2002	TC8A	01					
5	000005	0810110893	Nguyễn Xuân	Bảo	06/06/1997	TC8A	01					
6	000006	0810111605	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	11/02/2001	TC8A	01					
7	000007	0810111346	Bùi Thị Kim	Cúc	07/04/2002	TC8A	01					HP
8	000008	0810111057	Trần Tiến	Đạt	28/05/2002	TC8A	01					
9	000009	0810110504	Chu Quang	Đức	18/06/2002	TC8A	01					
10	000010	0810111610	Phạm Minh	Đức	19/12/2002	TC8A	01					
11	000011	0810110873	Nguyễn Thị Tuyết	Dung	08/12/2002	TC8A	01					
12	000012	0810110507	Nguyễn Hương	Giang	10/11/2002	TC8A	01					
13	000013	0810110759	Nguyễn Ngọc	Hà	12/09/2002	TC8A	01					
14	000014	0810111079	Triệu Thị Thúy	Hà	15/08/2002	TC8A	01					
15	000015	0810110900	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	21/02/2002	TC8A	01					
16	000016	0810110483	Khương Mạnh	Hùng	01/01/2002	TC8A	01					
17	000017	0810111076	Phạm Thị	Hương	02/06/2002	TC8A	01					
18	000018	0810111629	Ngô Thị Thu	Hường	24/04/2002	TC8A	01					
19	000019	0810111055	Đào Đức	Huy	28/07/2002	TC8A	01					
20	000020	0810111631	Dương Văn	Huy	19/12/2002	TC8A	01					
21	000021	0810111636	Vũ Thị Thu	Huyền	04/10/2002	TC8A	01					
22	000022	0810110558	Đỗ Thùy	Linh	22/11/2002	TC8A	01					
23	000023	0810110864	Phạm Hà Thu	Ngân	11/12/2002	TC8A	01					
24	000024	0810111060	Vũ Thị Hồng	Ngọc	01/01/2002	TC8A	01					
25	000025	0810111080	Lê Hồng Minh	Nguyên	10/11/2002	TC8A	01					
26	000026	0810111054	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	28/04/2002	TC8A	01					
27	000027	0810111663	Nguyễn Thu	Phương	02/09/2002	TC8A	01					
28	000028	0810110542	Nguyễn Minh	Quang	16/04/2002	TC8A	01					
29	000029	0810110923	Hoàng Văn	Quế	05/05/2002	TC8A	01					
30	000030	0810111514	Nguyễn Ngọc	Son	15/11/2002	TC8A	01					
31	000031	0810111545	Nguyễn Trung	Thực	19/12/2002	TC8A	01					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
32	000032	0810111311	Vũ Thị Thu	Trang	21/11/2002	TC8A	01					
33	000033	0810110986	Đào Minh	Tuấn	14/07/2002	TC8A	01					
34	000034	0810310831	Đặng Thu	Uyên	08/06/2002	TC8A	01					
35	000035	0810111051	Nguyễn Thị Thu	Uyên	07/05/2002	TC8A	01					
36	000036	0810111062	Vũ Thị Thảo	Vân	16/02/2002	TC8A	01					
37	000037	0810110556	Phùng Đức	Vinh	30/01/2002	TC8A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Hệ thống thông tin ngân hàng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810121597	Lê Quỳnh	Anh	07/03/2002	NH8A	01					
2	000002	0810120852	Nguyễn Đức	Anh	15/08/2002	NH8A	01					ĐK
3	000003	0810121077	Nguyễn Trang	Anh	08/08/2002	NH8A	01					
4	000004	0810120889	Phạm Ngọc	Bang	09/08/2002	NH8A	01					
5	000005	0810120882	Phạm Tiến	Đạt	28/07/2002	NH8A	01					
6	000006	0810120482	Hoàng Minh	Đức	01/01/2002	NH8A	01					
7	000007	0810120557	Vũ Khánh	Đức	05/11/2002	NH8A	01					
8	000008	0810121611	Đồng Đức	Dũng	21/08/2002	NH8A	01					
9	000009	0810121772	Nguyễn Nhật Anh	Hải	27/04/2000	NH8A	01					
10	000010	0810120861	Lương Thị Thanh	Hằng	15/10/2002	NH8A	01					
11	000011	0810120886	Nguyễn Văn	Hiển	16/09/2001	NH8A	01					
12	000012	0810121081	Vũ Minh	Hiếu	24/06/2002	NH8A	01					
13	000013	0810120896	Trần Thu	Hoài	06/10/2002	NH8A	01					
14	000014	0810120497	Nguyễn Huy	Hoàng	30/06/2002	NH8A	01					HP
15	000015	0810120513	Lô Quốc	Hưng	28/02/2002	NH8A	01					
16	000016	0810120471	Đào Ngọc	Khải	06/12/2002	NH8A	01					
17	000017	0810120493	Hoàng Văn	Lâm	27/04/2002	NH8A	01					
18	000018	0810121638	Lê Ngọc	Lâm	16/08/2002	NH8A	01					HP,ĐK
19	000019	0810121645	Nguyễn Thị Thanh	Loan	12/09/2002	NH8A	01					HP,ĐK
20	000020	0810120522	Lê Duy	Long	09/09/2002	NH8A	01					
21	000021	0810121650	Nguyễn Thị Xuân	Mai	01/11/2002	NH8A	01					
22	000022	0810120528	Nguyễn Thái	Minh	09/05/2000	NH8A	01					
23	000023	0810120877	Đào Công	Nam	23/10/2002	NH8A	01					
24	000024	0810121093	Lương Quỳnh	Nga	27/04/2002	NH8A	01					
25	000025	0810121052	Đàm Vi	Nhật	01/10/2001	NH8A	01					
26	000026	0810121094	Đỗ Thị Yến	Nhi	05/07/2002	NH8A	01					
27	000027	0810120485	Nguyễn Như	Quỳnh	24/12/2002	NH8A	01					
28	000028	0810120215	Nguyễn Thị	Thân	31/03/2002	NH8A	01					
29	000029	0810120544	Nguyễn Chiến	Thắng	19/09/2002	NH8A	01					
30	000030	0810121676	Lâm Vũ	Thiên	25/04/2002	NH8A	01					
31	000031	0810121677	Phan Thị	Thúy	04/04/2002	NH8A	01					
32	000032	0810120487	Trần Thị Minh	Thúy	24/04/2002	NH8A	01					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Điểm thi	Số máy	Mã đề	Ký nộp	Ghi chú
33	000033	0810120868	Vũ Thị Thủy	Tiên	10/03/2002	NH8A	01					
34	000034	0810120922	Vương Khánh	Toàn	09/09/2002	NH8A	01					
35	000035	0810121682	Hoàng Thị Thùy	Trang	03/09/2002	NH8A	01					
36	000036	0610120759	Lê Thị Thùy	Trang	30-10-2000	NH8A	01					
37	000037	0810120858	Nguyễn Thị Huyền	Trang	15/09/2002	NH8A	01					
38	000038	0810121784	Phạm Thị Hải	Yến	25/12/2000	NH8A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Quản trị sản xuất

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0710311332	Lê Khánh	Toàn	22/10/2001	QT7A	01					HP,ĐK
2	000002	0710311091	Phan Tiến	Dũng	20/04/2001	QT7B	01					
3	000003	0810310960	Đặng Phương	Anh	19/03/2002	QT8A	01					
4	000004	0810310274	Đào Thị Lan	Anh	15/01/2002	QT8A	01					
5	000005	0810210012	Đào Tuấn	Anh	27/01/2002	QT8A	01					
6	000006	0810311719	Lê Việt	Anh	11/03/2000	QT8A	01					
7	000007	0810311065	Trần Trung	Anh	22/09/2002	QT8A	01					
8	000008	0810310894	Vũ Phương	Anh	04/01/2002	QT8A	01					
9	000009	0810310867	Đoàn Xuân	Bách	07/06/2002	QT8A	01					
10	000010	0810310872	Nguyễn Tiến	Chung	09/06/2002	QT8A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Quản trị sản xuất

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000011	0810310301	Võ Ngọc Thùy	Dương	06/04/2002	QT8A	01					
2	000012	0810310432	Ngô Thị Thu	Hà	01/01/2001	QT8A	01					
3	000013	0810310892	Nguyễn Thị Thu	Hằng	03/02/2002	QT8A	01					
4	000014	0810310857	Phạm Thị Thu	Hằng	22/11/2002	QT8A	01					
5	000015	0810310433	Trương Thúy	Hằng	26/12/2002	QT8A	01					
6	000016	0810311385	Vy Văn	Hậu	04/09/2002	QT8A	01					
7	000017	0810310317	Nguyễn Trung	Hiếu	24/10/2002	QT8A	01					
8	000018	0810310879	Trần Thu	Huệ	25/09/2002	QT8A	01					
9	000019	0810310326	Trần Văn	Huy	16/10/2002	QT8A	01					
10	000020	0810311443	Nguyễn Phương	Linh	21/05/2002	QT8A	01					
11	000021	0810311444	Nguyễn Thùy	Linh	20/10/2002	QT8A	01					
12	000022	0810310357	Nguyễn Minh	Ngọc	26/11/2002	QT8A	01					
13	000023	0810311741	Trần Thị	Phượng	24/06/2002	QT8A	01					
14	000024	0810310726	Trần Thúy	Quỳnh	19/12/2002	QT8A	01					
15	000025	0810311531	Vũ Thị Phương	Thảo	16/07/2002	QT8A	01					
16	000026	0810310871	Đỗ Thị	Thủy	04/05/2002	QT8A	01					
17	000027	0810310390	Phạm Ngọc	Tinh	02/09/2002	QT8A	01					
18	000028	0810310395	Đỗ Thu	Trang	23/11/2002	QT8A	01					
19	000029	0810310860	Nguyễn Thị Linh	Trang	05/03/2002	QT8A	01					
20	000030	0810310878	Nguyễn Văn	Triều	30/09/2002	QT8A	01					
21	000031	0810311580	Vũ Đăng	Tuấn	16/04/2002	QT8A	01					
22	000032	0810310466	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/11/2002	QT8A	01					
23	000033	0710311359	Nguyễn Anh	Tuấn	26/12/2001	QT7B	02					
24	000034	0810310880	Bùi Tuấn	Anh	07/01/2002	QT8B	02					
25	000035	0810310870	Đào Hải	Anh	30/11/2002	QT8B	02					
26	000036	0810310275	Đoàn Thị Lan	Anh	06/03/2002	QT8B	02					
27	000037	0810310881	Khúc Thị Lan	Anh	11/08/2002	QT8B	02					
28	000038	0810311783	Nguyễn Thị Kim	Anh	22/12/2002	QT8B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Quản trị sản xuất

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000039	0810311087	Nguyễn Thị Minh	Anh	21/12/2002	QT8B	02					
2	000040	0810310659	Trần Tuấn	Anh	22/05/2002	QT8B	02					
3	000041	0810310038	Đào Văn	Chiến	08/12/2002	QT8B	02					
4	000042	0810310869	Nguyễn Việt	Cường	11/10/2002	QT8B	02					
5	000043	0810310963	Nguyễn Thị Hà	Giang	30/12/2002	QT8B	02					
6	000044	0810310854	Nguyễn Thị Minh	Hằng	24/10/2002	QT8B	02					
7	000045	0810310898	Trần Thị	Hằng	26/01/2002	QT8B	02					
8	000046	0810310310	Phạm Thị Hồng	Hạnh	07/01/2002	QT8B	02					
9	000047	0810310311	Nguyễn Mạnh	Hiền	16/11/2002	QT8B	02					
10	000048	0810310435	Ấu Hoàng	Hiếu	14/12/2002	QT8B	02					
11	000049	0810310323	Đặng Văn	Hoàng	01/07/2002	QT8B	02					
12	000050	0810310856	Trần Quang	Huy	01/06/2002	QT8B	02					
13	000051	0810311434	Lê Thị	Liên	03/05/2002	QT8B	02					
14	000052	0810310347	Đào Thảo	Ly	28/07/2002	QT8B	02					
15	000053	0810310702	Phan Đình	Minh	21/04/2002	QT8B	02					
16	000054	0810310352	Nguyễn Thị	Nga	22/09/2002	QT8B	02					
17	000055	0810310899	Lê Thị Hồng	Ngát	13/10/2002	QT8B	02					
18	000056	0810310971	Hoàng Bích	Ngọc	21/04/2002	QT8B	02					
19	000057	0810311731	Phạm Thị	Ngọc	21/02/2002	QT8B	02					
20	000058	0810310450	Phạm Thị	Nhâm	25/05/2002	QT8B	02					
21	000059	0810310717	Nguyễn Thị Yến	Ninh	14/01/2002	QT8B	02					
22	000060	0810311509	Nguyễn Thị	Quỳnh	03/11/2002	QT8B	02					
23	000061	0810310728	Nguyễn Phúc	Son	01/03/2002	QT8B	02					HP,ĐK
24	000062	0810310378	Nguyễn Đức	Thắng	21/02/2002	QT8B	02					HP,ĐK
25	000063	0810310875	Vũ Thành	Thép	20/10/2002	QT8B	02					
26	000064	0810310384	Đoàn Minh	Thu	09/10/2002	QT8B	02					
27	000065	0810310398	Nguyễn Thị	Trang	19/12/2002	QT8B	02					
28	000066	0810310855	Vũ Xuân	Trường	04/11/2002	QT8B	02					
29	000067	0810310552	Nguyễn Văn	Tuấn	24/09/2002	QT8B	02					
30	000068	0810310273	Hoàng Minh	Vượng	14/04/2000	QT8B	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K8 THI HẾT HỌC PHẦN
HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2022-2023**

Học phần: Marketing khách hàng tổ chức

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810330279	Nguyễn Thị Lan	Anh	15/12/2000	QM8A	01					
2	000002	0810331736	Đào Thị Nguyên	Giáng	11/02/2001	QM8A	01					
3	000003	0810330912	Đinh Thị Thu	Hà	04/07/2002	QM8A	01					
4	000004	0810330316	Nguyễn Đức	Hiếu	17/10/2002	QM8A	01					
5	000005	0810330865	Phạm Đình	Kiệt	08/04/2002	QM8A	01					
6	000006	0810331455	Đinh Thị	Mai	19/07/2002	QM8A	01					
7	000007	0810330911	Lê Minh	Ngọc	15/11/2002	QM8A	01					
8	000008	0810330359	Nguyễn Công	Nguyên	30/01/2002	QM8A	01					
9	000009	0810331485	Quảng Thị	Ninh	10/01/2002	QM8A	01					
10	000010	0810331082	Đỗ Văn	Phú	21/09/2002	QM8A	01					
11	000011	0810330375	Vũ Thị Thanh	Tâm	21/10/2001	QM8A	01					
12	000012	0810331061	Ngô Thị Thu	Trang	17/02/2002	QM8A	01					
13	000013	0810331069	Trần Thu	Trang	05/11/2002	QM8A	01					
14	000014	0810330409	Đàm Trọng	Vinh	27/11/2001	QM8A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2